

Số: **2008**/TTr-UBND

Điện Biên, ngày **01** tháng **7** năm 2022

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên

Sau khi xin chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững mới giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Các căn cứ pháp lý để xây dựng Nghị Quyết

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
- Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;
- Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.
- Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương

trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Nghị Quyết số 64/NQ-TTHĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị Quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg) đã giao:

- **Tại khoản 1, Điều 19, Chương III- Điều khoản thi hành** quy định về trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: “Căn cứ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, bố trí vốn đối ứng, lồng ghép các nguồn lực khác, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương trình và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định”.

- **Tại điểm a, khoản 2 Điều 13 Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình:** “Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 70% trở lên: Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 3% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình”.

Từ các nội dung nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Sau đây gọi tắt là Nghị quyết) là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Nhằm cụ thể hóa các Điều, khoản, điểm được giao tại Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Xác định rõ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 làm căn cứ để lập kế hoạch trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021-2025 của các cấp, các ngành, đồng thời làm căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm.

- Quy định rõ tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình để thực hiện theo điểm a, khoản 2 Điều 13 Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình: “ngân sách địa phương

bố trí đối ứng tối thiểu bằng 3% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương”.

2. Quan điểm

- Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo đúng tuân thủ theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Phải đảm bảo phù hợp với tiền địa phương; có nghiên cứu kế thừa, phát huy những kết quả đạt được của giai đoạn 2016-2020, khắc phục những hạn chế yếu kém; bám sát các định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của tỉnh.

- Đảm bảo công khai, minh bạch và công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch vốn đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế chính sách; tăng cường phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các địa phương theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Thực hiện nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 25/03/2022, UBND tỉnh Điện Biên trình HĐND tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị Quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Sau khi có ý kiến chấp thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Nghị Quyết số 64/NQ-TTHĐND ngày 13/4/2022, UBND tỉnh đã có Văn bản chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với ngành, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đã gửi các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố để lấy ý kiến, hoàn thiện và gửi Sở Tư pháp để thẩm định.

3. Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 698/BC-STP ngày 24/5/2022; được UBND tỉnh thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng 5 năm 2022; Sở Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện lại nội dung tiếp thu ý kiến sau phiên họp UBND tỉnh và dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết HĐND tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của Nghị quyết: Dự thảo Nghị quyết gồm 3 Điều và Quy định kèm theo (bao gồm 02 Chương và 12 Điều); với các nội dung chủ yếu như sau:

- Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Điều 3. Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung của Nghị quyết

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên (sau đây gọi tắt là Chương trình); là căn cứ để các cấp, các ngành và các đơn vị liên quan lập kế hoạch trung hạn, hằng năm và thực hiện hỗ trợ các nội dung thuộc Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước.

2.2. Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị liên quan sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là các Sở, ban, ngành, địa phương).

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình.

2.3. Nguyên tắc phân bổ vốn

a) Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

b) Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các Sở, ngành và địa phương.

c) Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện nghèo.

d) Việc phân bổ cụ thể ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

đ) Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

2.4. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương cho từng dự án và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thuộc Chương trình theo Phụ lục kèm theo.

V. TÀI LIỆU KÈM THEO

(1) Tờ trình số 1223/TTr-SKHĐT ngày 29/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

(2) Báo cáo tổng hợp tiếp thu giải trình, sửa đổi, bổ sung và hoàn chỉnh dự thảo Nghị Quyết theo ý kiến thẩm định của Sở Tư Pháp vào dự thảo Nghị Quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

(3) Báo cáo số 698/BC-STP ngày 25/5/2022 của Sở Tư Pháp Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị Quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

(4) Nghị Quyết số 64/NQ-TTHĐND ngày 13/4/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị Quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Điện Biên, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh uỷ (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

PHỤ LỤC

TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH, XÁC ĐỊNH PHÂN BỐ VỐN TỪNG DỰ ÁN VÀ TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Tờ trình số **2008**/TTr-UBND ngày **01** tháng **7** năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

I. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

1. Huyện nghèo căn cứ vào danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tổng số hộ, số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào kết quả Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên được phê duyệt kèm theo Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

3. Huyện khu vực miền núi, vùng cao, biên giới thuộc tỉnh Điện Biên được công nhận theo Quyết định số 363/2005/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc và xác định theo Công văn số 930/BNV-CQĐP ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Bộ Nội vụ về việc xác định đơn vị hành chính miền núi, vùng cao, hải đảo; xã, phường, thị trấn khu vực biên giới đất liền xác định theo Nghị định 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ;

4. Xã đặc biệt khó khăn của huyện căn cứ Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các xã khu vực III, II, I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

5. Đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến thời điểm 31/12/2020;

6. Tỷ lệ suy dinh dưỡng xác định trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2021 theo Báo cáo của Sở Y tế tỉnh Điện Biên.

7. Số lượng tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xác định trên cơ sở kết quả tuyển sinh năm 2020 tổng hợp tại Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2022.

8. Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện xác định trên cơ sở số liệu Tổng điều tra dân số nhà ở tại thời điểm 01/4/2019 tỉnh Điện Biên.

9. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

II. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

1. Vốn đối ứng ngân sách địa phương bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp bố trí hằng năm tối thiểu bằng 3% tổng nguồn vốn ngân sách

PHỤ LỤC
TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH, XÁC ĐỊNH
PHÂN BỐ VỐN TỪNG DỰ ÁN VÀ TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Tờ trình số 2008/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022

của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

I. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

1. Huyện nghèo căn cứ vào danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tổng số hộ, số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào kết quả Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên được phê duyệt kèm theo Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

3. Huyện khu vực miền núi, vùng cao, biên giới thuộc tỉnh Điện Biên được công nhận theo Quyết định số 363/2005/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc và xác định theo Công văn số 930/BNV-CQĐP ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Bộ Nội vụ về việc xác định đơn vị hành chính miền núi, vùng cao, hải đảo; xã, phường, thị trấn khu vực biên giới đất liền xác định theo Nghị định 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ;

4. Xã đặc biệt khó khăn của huyện căn cứ Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các xã khu vực III, II, I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

5. Đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến thời điểm 31/12/2020;

6. Tỷ lệ suy dinh dưỡng xác định trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2021 theo Báo cáo của Sở Y tế tỉnh Điện Biên.

7. Số lượng tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xác định trên cơ sở kết quả tuyển sinh năm 2020 tổng hợp tại Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2022.

8. Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện xác định trên cơ sở số liệu Tổng điều tra dân số nhà ở tại thời điểm 01/4/2019 tỉnh Điện Biên.

9. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

II. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

1. Vốn đối ứng ngân sách địa phương bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp bố trí hằng năm tối thiểu bằng 3% tổng nguồn vốn ngân sách

trung ương được trung ương phân bổ cho tỉnh thực hiện Chương trình.

2. Nguồn vốn:

2.1. Nguồn vốn đầu tư phát triển đối ứng ngân sách địa phương thực hiện chương trình bố trí hằng năm tối thiểu bằng 3% tổng nguồn vốn đầu tư phát triển được trung ương phân bổ cho tỉnh thực hiện Chương trình, từ nguồn điều chỉnh kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương của các dự án thuộc nội dung đầu tư của Chương trình theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Nguồn vốn sự nghiệp đối ứng của tỉnh: Các cơ quan, đơn vị được phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách trung ương để thực hiện Chương trình lập kế hoạch bố trí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, hằng năm tối thiểu bằng 3% trên tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương mà cơ quan, đơn vị được phân bổ để thực hiện Chương trình

III. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

1. Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Dự án

Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho các dự án trên địa bàn huyện nghèo của tỉnh

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn đối với huyện nghèo

Tiêu chí 1: Quy mô dân số của huyện		Tiêu chí 2: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Đặc điểm địa lý của huyện nghèo		Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Số hộ	Hệ số	Tổng tỷ lệ	Hệ số	Đặc điểm	Hệ số	Số xã	Hệ số
Dưới 10.000 hộ	0,15	Dưới 55%	0,37	Huyện có xã biên giới (BG)	0,14	Dưới 14 xã	0,1
Từ 10.000 hộ đến dưới 15.000 hộ	0,17	Từ 55% đến dưới 60%	0,41	Huyện thuộc khu vực miền núi, vùng cao (MN)	0,12	Từ 14 đến dưới 16 xã	0,12
Từ 15.000 hộ trở lên	0,2	Từ 60% đến dưới 65%	0,46	Huyện không có xã biên giới.	0,10	Từ 16 xã trở lên	0,14
		Từ 65% trở lên	0,5				

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

a) Vốn hỗ trợ đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ theo địa bàn huyện nghèo được tính theo công thức:

$$A_i = Q.X_i$$

Trong đó:

A_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

Xi là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n x_i}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện nghèo để thực hiện Dự án 1 (trừ vốn ngân sách trung ương để triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn).

b) Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 10% tổng vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương theo kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn của từng địa phương. Tiêu chí và hệ số phân bổ cho huyện nghèo theo khoản 2 Điều này.

IV. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

1. Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Dự án: tối đa 15% cho Sở, cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 85% cho các địa phương.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn		Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Tổng tỷ lệ	Hệ số	Số hộ	Hệ số	Đặc điểm	Hệ số	Số xã	Hệ số
Dưới 10%	0,4	Dưới 1.000 hộ	0,4	Huyện nghèo	0,12	Dưới 10 xã	1
Từ 10% đến dưới 30%	0,5	Từ 1.000 hộ đến dưới 5.500 hộ	0,45			Từ 10 đến dưới 13 xã	1,15
Từ 30% đến dưới 60%	0,6	Từ 5.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5			Từ 13 đến dưới 15 xã	1,3
Từ 60% trở lên	0,7	Từ 6.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6			Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5
		Từ 6.500 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7			Từ 20 xã trở lên	2
		Từ 7.500 hộ đến dưới 8.500 hộ	0,8				
		Từ 8.500 hộ trở lên	0,9				

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng

số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = (0,12.HNi) \times 2,5 + ĐVi$.

HN_i là hệ số huyện nghèo ($HN_i = 1$ khi huyện thứ i là huyện nghèo; $HN_i = 0$ khi huyện thứ i không phải huyện nghèo).

$ĐVi$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

V. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 2% cho các sở, cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 98% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn		Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Tổng tỷ lệ	Hệ số	Số hộ	Hệ số	Đặc điểm	Hệ số	Số xã	Hệ số
Dưới 10%	0,4	Dưới 1.000 hộ	0,4	Huyện nghèo	0,12	Dưới 10 xã	1
Từ 10% đến dưới 30%	0,5	Từ 1.000 hộ đến dưới 5.500 hộ	0,45			Từ 10 đến dưới 13 xã	1,15
Từ 30% đến dưới 60%	0,6	Từ 5.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5			Từ 13 đến dưới 15 xã	1,3
Từ 60% trở lên	0,7	Từ 6.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6			Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5
		Từ 6.500 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7			Từ 20 xã trở lên	2
		Từ 7.500 hộ đến dưới 8.500 hộ	0,8				
		Từ 8.500 hộ trở lên	0,9				

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$Đi = Q.Xi.Yi$$

Trong đó:

$Đi$ là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i.

Xi là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = (0,12.HN_i) \times 2,5 + ĐV_i$.

HN_i là hệ số huyện nghèo ($HN_i = 1$ khi huyện thứ i là huyện nghèo; $HN_i = 0$ khi huyện thứ i không phải huyện nghèo).

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 10% cho các Sở, cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 90% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương

Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn		Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện		Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ dưới 5 tuổi của huyện	
Đặc điểm	Hệ số	Số xã	Hệ số	Tỷ lệ	Hệ số
Huyện nghèo	0,12	Dưới 10 xã	1	Trên 30%	1,6
		Từ 10 đến dưới 13 xã	1,15	Từ 25% đến 30%	1,4
		Từ 13 đến dưới 15 xã	1,3	Từ 20% đến dưới 25%	1,2
		Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5		
		Từ 20 xã trở lên	2		

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$E_i = Q.Y_i.DD_i$$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = (0,12.HN_i) \times 3 + ĐV_i$.

HN_i là hệ số huyện nghèo ($HN_i = 1$ khi huyện thứ i là huyện nghèo; $HN_i = 0$ khi huyện thứ i không phải huyện nghèo).

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức.

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DD_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

VI. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Đối với vốn đầu tư phát triển

- Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương của Tiểu dự án để đầu tư cho các trường cao đẳng giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn: Căn cứ vào số lượng tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (căn cứ theo kết quả tuyển sinh năm 2020 tổng hợp tại Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch PTKTXH, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2022).

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn.

Vốn ngân sách trung ương phân bổ được tính theo công thức:

$$H_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

H_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho trường thứ i .

X_i là kết quả tuyển sinh năm 2020 của trường thứ i trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của các trường được tổng hợp tại Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Q là vốn bình quân cho một trường được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương để phân bổ Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

b) Đối với vốn sự nghiệp

(1) Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các Sở, ngành và các trường Cao đẳng (có chức năng thực hiện giáo dục nghề nghiệp) trên địa bàn tỉnh.

(2) Phân bổ tối đa 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các huyện để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

* Tiêu chí và hệ số phân bổ cho các địa phương

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của huyện		Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh	
Tổng tỷ lệ	Hệ số	Số hộ	Hệ số	Cơ sở	Hệ số	Số lượng	Hệ số
Dưới 10%	0,4	Dưới 1.000 hộ	0,4	Mỗi một Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	0,1	Dưới 200 người/năm	0,5
Từ 10% đến dưới 30%	0,5	Từ 1.000 hộ đến dưới 5.500 hộ	0,45			Từ 200 người/năm đến dưới 500 người/năm	0,6
Từ 30% đến dưới 60%	0,6	Từ 5.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5			Từ 500 người/năm trở lên	0,7
Từ 60% trở lên	0,7	Từ 6.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6				
		Từ 6.500 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7				
		Từ 7.500 hộ đến dưới 8.500 hộ	0,8				
		Từ 8.500 hộ trở lên	0,9				

* Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương:

Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho địa phương được tính theo công thức:

$$I_i = Q.X_i$$

Trong đó:

I_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i theo công thức:

$$X_i = (T L_i + Q M_i) \times 3 + (T R_i + T S_i).$$

$T L_i$ là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

$Q M_i$ là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

$T R_i$ là tổng hệ số tiêu chí số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của huyện thứ i được tính theo công thức: $T R_i = 0,1 \times T T_i$

TTi là số trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập của huyện thứ i.

TSi là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n x_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

(3) Phân bổ tối thiểu 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các địa phương để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện.

* Tiêu chí và hệ số phân bổ cho các địa phương

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn		Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện		Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh	
Tổng tỷ lệ	Hệ số	Số hộ	Hệ số	Đặc điểm	Hệ số	Số xã	Hệ số	Số lượng	Hệ số
Dưới 10%	0,4	Dưới 1.000 hộ	0,4	Huyện nghèo	0,12	Dưới 10 xã	1	Dưới 200 người/năm	0,5
Từ 10% đến dưới 30%	0,5	Từ 1.000 hộ đến dưới 5.500 hộ	0,45			Từ 10 đến dưới 13 xã	1,15	Từ 200 người/năm đến dưới 500 người/năm	0,6
Từ 30% đến dưới 60%	0,6	Từ 5.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5			Từ 13 đến dưới 15 xã	1,3	Từ 500 người/năm trở lên	0,7
Từ 60% trở lên	0,7	Từ 6.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6			Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5		
		Từ 6.500 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7			Từ 20 xã trở lên	2		
		Từ 7.500 hộ đến dưới 8.500 hộ	0,8						
		Từ 8.500 hộ trở lên	0,9						

* Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$K_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i theo công thức:

$$X_i = T_{Li} + Q_{Mi} + 0,12 \cdot H_{Ni} + ĐV_i + T_{Si}$$

T_{Li} là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Q_{Mi} là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

H_{Ni} là hệ số huyện nghèo ($H_{Ni} = 1$ khi huyện thứ i là huyện nghèo; $H_{Ni} = 0$ khi huyện thứ i không phải huyện nghèo).

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

T_{Si} là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh các đối tượng của Tiểu dự án trên địa bàn huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho các địa phương thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 18% cho các sở, cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 82% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương (không bao gồm các địa bàn được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030)

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Tổng tỷ lệ	Hệ số	Số hộ	Hệ số	Đặc điểm	Hệ số
Dưới 10%	0,4	Dưới 1.000 hộ	0,4	Huyện nghèo	0,12
Từ 10% đến dưới 30%	0,5	Từ 1.000 hộ đến dưới 5.500 hộ	0,45		
Từ 30% đến dưới 60%	0,6	Từ 5.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5		

Từ 60% trở lên	0,7	Từ 6.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6		
		Từ 6.500 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7		
		Từ 7.500 hộ đến dưới 8.500 hộ	0,8		
		Từ 8.500 hộ trở lên	0,9		

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$Li = Q.Xi.Yi$$

Trong đó: Li là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i.

Xi là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i.

Yi là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn của huyện thứ i, Yi=0,12.HNi.

HNi là hệ số huyện nghèo (HNi= 1 khi huyện thứ i là huyện nghèo; HNi=0 khi huyện thứ i không phải huyện nghèo).

Q là vốn bình quân cho một tỉnh được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Xi.Yi}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho các huyện thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Đối với vốn đầu tư phát triển

Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương của Tiểu dự án giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

b) Đối với vốn sự nghiệp

* Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án tối đa 10% cho các sở, cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 90% cho các địa phương.

* Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện	
Tổng tỷ lệ	Hệ số	Số hộ	Hệ số	Số lượng	Hệ số
Dưới 10%	0,4	Dưới 1.000 hộ	0,4	Dưới 30.000 người	1,0
Từ 10% đến dưới 30%	0,5	Từ 1.000 hộ đến dưới 5.500 hộ	0,45	Từ 30.000 người đến dưới 40.000 người	1,3
Từ 30% đến dưới 60%	0,6	Từ 5.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5	Từ 40.000 người đến dưới 50.000 người	1,6
Từ 60% trở lên	0,7	Từ 6.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6	Từ 50.000 người trở lên	1,9

		Từ 6.500 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7		
		Từ 7.500 hộ đến dưới 8.500 hộ	0,8		
		Từ 8.500 hộ trở lên	0,9		

* Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện nghèo

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$M_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho các huyện thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

VII. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

1. Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho các địa phương trên cơ sở kế hoạch hằng năm căn cứ nhu cầu xây mới, sửa chữa nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo và đề xuất kinh phí hỗ trợ thực hiện, quản lý của ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Định mức hỗ trợ:

Hỗ trợ nhà xây mới: 50.000.000 đồng/hộ; Sửa chữa nhà: 30.000.000 đồng/hộ (trong đó, vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương hỗ trợ: 40.000.000 đồng/hộ/nhà xây mới; 20.000.000 đồng/hộ/nhà sửa chữa). Số tiền chênh lệch so với định mức hỗ trợ quy định tại Quyết định 02/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 được đảm bảo bằng nguồn vốn Ngân sách địa phương và nguồn xã hội hóa.

3. Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo các quy định hiện hành.

VIII. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. **Tiểu dự án 1:** Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 30% cho các Sở, cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 70% cho các địa phương.

* Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn		Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Tổng tỷ lệ	Hệ số	Số hộ	Hệ số	Đặc điểm	Hệ số	Số xã	Hệ số
Dưới 10%	0,4	Dưới 1.000 hộ	0,4	Huyện nghèo	0,12	Dưới 10 xã	1
Từ 10% đến dưới 30%	0,5	Từ 1.000 hộ đến dưới 5.500 hộ	0,45			Từ 10 đến dưới 13 xã	1,15
Từ 30% đến dưới 60%	0,6	Từ 5.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5			Từ 13 đến dưới 15 xã	1,3
Từ 60% trở lên	0,7	Từ 6.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6			Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5
		Từ 6.500 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7			Từ 20 xã trở lên	2
		Từ 7.500 hộ đến dưới 8.500 hộ	0,8				

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$N_i = Q.X_i.Y_i + D_i$$

N_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i quy định tại theo công thức: $Y_i = 0,12.HN_i + ĐV_i$.

HN_i là chỉ số huyện nghèo ($HN_i = 1$ khi huyện thứ i là huyện nghèo; $HN_i = 0$ khi huyện thứ i không phải huyện nghèo).

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

D_i là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G - D}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

Trong đó: G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6; D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện

nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của các huyện.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 35% cho các Sở, cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 65% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn		Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Tổng tỷ lệ	Hệ số	Số hộ	Hệ số	Đặc điểm	Hệ số	Số xã	Hệ số
Dưới 10%	0,4	Dưới 1.000 hộ	0,4	Huyện nghèo	0,12	Dưới 10 xã	1
Từ 10% đến dưới 30%	0,5	Từ 1.000 hộ đến dưới 5.500 hộ	0,45			Từ 10 đến dưới 13 xã	1,15
Từ 30% đến dưới 60%	0,6	Từ 5.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5			Từ 13 đến dưới 15 xã	1,3
Từ 60% trở lên	0,7	Từ 6.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6			Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5
		Từ 6.500 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7			Từ 20 xã trở lên	2
		Từ 7.500 hộ đến dưới 8.500 hộ	0,8				
		Từ 8.500 hộ trở lên	0,9				

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$P_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i quy định tại theo công thức: $Y_i = 0,12.HN_i + ĐV_i$.

HN_i là chỉ số huyện nghèo ($HN_i = 1$ khi huyện thứ i là huyện nghèo; $HN_i = 0$ khi huyện thứ i không phải huyện nghèo).

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực

hiện Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 6.

IX. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

1. Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 25% cho các sở, cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 75% cho các địa phương.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các địa phương

Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện		Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn		Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Tổng tỷ lệ	Hệ số	Số hộ	Hệ số	Đặc điểm	Hệ số	Số xã	Hệ số
Dưới 10%	0,4	Dưới 1.000 hộ	0,4	Huyện nghèo	0,12	Dưới 10 xã	1
Từ 10% đến dưới 30%	0,5	Từ 1.000 hộ đến dưới 5.500 hộ	0,45			Từ 10 đến dưới 13 xã	1,15
Từ 30% đến dưới 60%	0,6	Từ 5.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5			Từ 13 đến dưới 15 xã	1,3
Từ 60% trở lên	0,7	Từ 6.000 hộ đến dưới 6.500 hộ	0,6			Từ 15 đến dưới 20 xã	1,5
		Từ 6.500 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7			Từ 20 xã trở lên	2
		Từ 7.500 hộ đến dưới 8.500 hộ	0,8				
		Từ 8.500 hộ trở lên	0,9				

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$R_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i quy định tại theo công thức: $Y_i = 0,12.HN_i + ĐV_i$.

HN_i là chỉ số huyện nghèo ($HN_i = 1$ khi huyện thứ i là huyện nghèo; $HN_i = 0$ khi huyện thứ i không phải huyện nghèo).

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các tỉnh để thực hiện Dự án 7./.